

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2268./QĐ-ĐHTM ngày 21/12/2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

<b>Chương trình đào tạo:</b>	<b>Thương mại quốc tế (Định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế) International Trade (International Profession Oriented Program)</b>
<b>Trình độ đào tạo:</b>	<b>Đại học</b>
<b>Ngành đào tạo:</b>	<b>Kinh doanh quốc tế</b>
<b>Mã ngành:</b>	<b>7340120</b>
<b>Chuyên ngành đào tạo:</b>	<b>Thương mại quốc tế/ International Trade</b>
<b>Ngôn ngữ đào tạo:</b>	<b>Tiếng Việt và Tiếng Anh</b>

### 1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế chuyên ngành Thương mại quốc tế được xây dựng dựa trên sự kế thừa có điều chỉnh chương trình đào tạo chất lượng cao chuyên ngành Thương mại quốc tế được ban hành theo Quyết định số 2347/QĐ-ĐHTM ngày 23/12/2022.

- Chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế chuyên ngành TMQT đã được điều chỉnh, hoàn thiện đáng kể so với chương trình đào tạo chất lượng cao chuyên ngành TMQT theo hướng gia tăng học phần có tính mới, hiện đại nhằm phù hợp với bối cảnh mới và gia tăng thời gian đào tạo thực tế tại doanh nghiệp. Cụ thể, những học phần mới được đưa vào như Chuyển đổi số trong kinh doanh, Ứng dụng AI trong kinh doanh, Khởi nghiệp, ... Chương trình đào tạo bao gồm học phần thực tập nghề nghiệp (2 tín chỉ) và 2 học phần thực hành nghề nghiệp (6 tín chỉ), đó là Thực hành nghề nghiệp Kinh doanh quốc tế, Thực hành nghề nghiệp Thương mại quốc tế để giúp người học được đào tạo thực tế tại doanh nghiệp những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu liên quan các hoạt động thương mại quốc tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo.

### 2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- **Mục tiêu chung:** Chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc

tế chuyên ngành Thương mại quốc tế là chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp, đào tạo cử nhân Thương mại quốc tế có chất lượng cao, có phẩm chất chính trị và đạo đức kinh doanh tốt, có kiến thức đa ngành và chuyên môn tốt, có kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của các công ty đa quốc gia, có kỹ năng sử dụng tiếng Anh thành thạo trong môi trường làm việc quốc tế, có năng lực đổi mới sáng tạo, có khả năng thích ứng tốt và cạnh tranh trên thị trường lao động ở trong và ngoài nước, có khả năng nghiên cứu và học tập suốt đời, đóng góp vào sự phát triển thịnh vượng của đất nước.

**- Mục tiêu cụ thể:**

Đào tạo cử nhân thương mại quốc tế có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có kiến thức nền tảng về xã hội, kinh tế và hội nhập quốc tế; có kiến thức đa ngành về quản trị, marketing, kế toán, tài chính – ngân hàng, về khởi sự kinh doanh, về chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo.

Đào tạo cử nhân có khả năng làm việc tại các doanh nghiệp có hoạt động thương mại quốc tế ở trong nước và ở nước ngoài, các tập đoàn đa quốc gia với kiến thức chuyên sâu về kinh doanh quốc tế, kinh tế quốc tế, thương mại quốc tế. Đặc biệt, đào tạo gắn với thực hành tại doanh nghiệp để người học có khả năng thực hiện các công việc như đàm phán thương mại quốc tế, thực hiện các tác nghiệp trong quá trình thực hiện hợp đồng xuất khẩu/ nhập khẩu, quản trị quy trình xuất khẩu/ nhập khẩu, lập kế hoạch, tổ chức và điều hành quy trình vận chuyển và giao nhận hàng hóa xuất khẩu/ nhập khẩu, thực hiện các công việc cần thiết để làm thủ tục hải quan cho hàng hóa xuất nhập khẩu,...

Trang bị và rèn luyện cho người học kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong môi trường thương mại quốc tế và các kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu của chuyên ngành Thương mại quốc tế như kỹ năng nhận diện, phân tích môi trường kinh doanh quốc tế và ảnh hưởng của môi trường kinh doanh quốc tế đến hoạt động thương mại quốc tế của doanh nghiệp; kỹ năng giải quyết các vấn đề, tình huống phát sinh trong hoạt động thương mại quốc tế; kỹ năng giao dịch, soạn thảo hợp đồng xuất nhập khẩu hàng hóa, hợp đồng vận chuyển hàng hóa mua bán quốc tế, chuẩn bị các chứng từ xuất nhập khẩu hàng hóa; kỹ năng tư duy phản biện, cũng như các kỹ năng bổ trợ khác như kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình; kỹ năng công nghệ thông tin, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng lập luận, thuyết phục,...

Đào tạo người học thành một công dân có ý thức chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, tuân thủ các quy tắc ứng xử đạo đức nghề nghiệp và có thái độ nghiêm túc trong thực hiện nhiệm vụ, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp; tự giác, có trách nhiệm đối với

công việc, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực, có khả năng sáng tạo và làm việc độc lập, tự chủ, có khả năng thích ứng với bối cảnh cách mạng công nghệ và chuyển đổi số; có khả năng học tập suốt đời.

## **2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

### **2. Chuẩn đầu ra về kiến thức**

Sinh viên tốt nghiệp CTĐT định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế chuyên ngành Thương mại quốc tế đạt chuẩn kiến thức giáo dục đại cương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có đủ kiến thức về lý luận chính trị, kinh tế, xã hội, kiến thức đa ngành và kiến thức chuyên ngành Thương mại quốc tế, bao gồm:

(PLO1): Có khả năng vận dụng kiến thức nền tảng về triết học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kinh tế chính trị, pháp luật, công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và tiếng Anh trong việc đưa ra các quyết định giải quyết tình huống liên quan thương mại quốc tế.

(PLO2): Có khả năng vận dụng các kiến thức về Kinh tế học, Kinh tế quốc tế, Hội nhập kinh tế quốc tế để giải thích, phân tích, đánh giá diễn biến các hoạt động kinh tế, thương mại quốc tế, tác động của các biến động từ nền kinh tế trong nước và thế giới đối với hoạt động thương mại quốc tế của DN.

(PLO3): Phân tích và đánh giá được các hoạt động thương mại quốc tế của các doanh nghiệp, các tập đoàn đa quốc gia, các công ty có vốn đầu tư nước ngoài; liên hệ và vận dụng được kinh nghiệm của các doanh nghiệp quốc tế cho các doanh nghiệp Việt Nam.

(PLO4): Thiết kế được kế hoạch đàm phán thương mại quốc tế, kế hoạch thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế; thiết kế được quy trình thực hiện hợp đồng xuất khẩu/ nhập khẩu cho doanh nghiệp cụ thể; đề xuất được quyết định điều hành đối với một số tình huống phát sinh trong quy trình giao dịch, đàm phán thương mại quốc tế, quy trình thực hiện hợp đồng xuất khẩu/ nhập khẩu, quy trình thủ tục hải quan, quy trình giao/ nhận và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu,...

(PLO5): Vận dụng các kiến thức bổ trợ để giải quyết các vấn đề chuyên môn khác trong hoạt động thương mại quốc tế hoặc có thể phát triển chuyên môn liên thông sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.

### **3. Chuẩn đầu ra về kỹ năng**

Sinh viên tốt nghiệp CTĐT định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế chuyên ngành Thương mại quốc tế có kỹ năng chuyên nghiệp về thương mại quốc tế, bao gồm:

(PLO6): Có kỹ năng nghề nghiệp trong việc hoạch định chiến lược, kế hoạch liên quan hoạt động thương mại quốc tế như kế hoạch giao dịch và đàm phán ký kết hợp đồng

mua bán hàng hóa quốc tế, kế hoạch thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế, kế hoạch vận chuyển hàng hóa quốc tế, kế hoạch giao hàng xuất khẩu hoặc nhận hàng nhập khẩu,...

(PLO7): Có kỹ năng nghề nghiệp trong việc tổ chức quy trình, kiểm tra, giám sát các hoạt động thương mại quốc tế.

(PLO8): Có kỹ năng vận dụng đúng các quy định của pháp luật trong thương mại quốc tế để giải quyết các vấn đề có liên quan; có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

#### **4. Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm**

Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế chuyên ngành Thương mại quốc tế có khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm như sau:

(PLO9): Có tư duy phản biện, tư duy đổi mới sáng tạo, chấp nhận các giá trị khác biệt, thích nghi và ứng phó với sự thay đổi trong môi trường kinh doanh quốc tế có tác động của cách mạng công nghệ, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo.

(PLO10): Có kỹ năng giao tiếp tốt, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, các kỹ năng làm việc độc lập và tự chủ, có khả năng tự chịu trách nhiệm với cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.

(PLO11): Vận dụng được các quy tắc ứng xử đạo đức nghề nghiệp và có thái độ nghiêm túc trong thực hiện nhiệm vụ, có khả năng triển khai, thực hiện quy định của cơ quan, doanh nghiệp với tinh thần tự giác, có trách nhiệm đối với công việc được giao và trách nhiệm với cộng đồng, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực, có ý thức tổ chức kỷ luật lao động.

(PLO 12): Có khả năng giải quyết tình huống, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, đánh giá và điều hành các hoạt động thương mại quốc tế.

(PLO13): Có khả năng học tập suốt đời và đề xuất được nội dung hoạt động trách nhiệm xã hội với cộng đồng.

#### **5. Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học**

(PLO14): Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

(PLO15): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý của Trường Đại học Thương mại.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 131 TC (trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh).

#### 4. Đối tượng tuyển sinh

Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học - Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### 5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

##### 5.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

**Bước 1.** Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

**Bước 2.** Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trưởng Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;

- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;

- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;

- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);

- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

**Bước 3.** Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

**Bước 4.** Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

**Bước 5.** Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

##### 5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học

f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

## 6. Phương thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

## 7. Nội dung chương trình đào tạo

### 7.1. Khung chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã học phần	Ngôn ngữ giảng dạy	Số TC	Cấu trúc
<b>1</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>			<b>48</b>	
<b>1.1</b>	<b>Giáo dục đại cương</b>			<b>37</b>	
<b>1.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>34</b>	
1	Triết học Mác - Lê Nin Phylosophy of Maxism - Leninism	MLNP0221	Tiếng Việt	3	36,18
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political economics of Maxism - Leninism	RLCP1211	Tiếng Việt	2	24,12
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	HCMIO111	Tiếng Việt	2	24,12
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	HCMIO131	Tiếng Việt	2	21,18
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	HCMIO121	Tiếng Việt	2	24,12
6	Pháp luật đại cương Introduction to Laws	TLAW0111	Tiếng việt	2	24,12
7	Tiếng Anh tăng cường 1.1 Intensive English 1.1	ENPR7011	Tiếng Anh	4	48,24

8	Tiếng Anh tăng cường 1.2 Intensive English 1.2	ENPR7111	Tiếng Anh	4	48,24
9	Tiếng Anh nâng cao 1.1 Advanced English 1.1	ENTI3111	Tiếng Anh	5	60,30
10	Tiếng Anh nâng cao 1.2 Advanced English 1.2	ENTI3211	Tiếng Anh	5	60,30
11	Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản Information Technology Foundation	INFO3511	Tiếng Việt	3	36,18
<b>1.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>			<b>3</b>	
	<i>Chọn 03 TC trong các HP sau:</i>				
1	Kinh tế lượng Econometrics	AMAT0411	Tiếng Việt	3	36,18
2	Giao tiếp trong kinh doanh Communication in business	EPIN0111	Tiếng Việt	3	0,90
<b>1.2</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>			<b>3</b>	
<b>1.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>1</b>	
	Giáo dục thể chất chung Physical Education	GDTC1611	Tiếng Việt	1	12,18
<b>1.2.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>			<b>2</b>	
	<i>Chọn 02 TC trong các HP sau:</i>				
1	Cầu lông Badminton	GDTC0521	Tiếng Việt	1	12,18
2	Bóng chuyền Volleyball	GDTC0621	Tiếng Việt	1	12,18
3	Bóng ném Handball	GDTC0721	Tiếng Việt	1	12,18
4	Bóng bàn Table tennis	GDTC1621	Tiếng Việt	1	12,18
5	Cờ vua Chess	GDTC1721	Tiếng Việt	1	12,18
6	Bóng rổ Basketball	GDTC0821	Tiếng Việt	1	12,18
<b>1.3</b>	<b>Giáo dục Quốc phòng - An ninh</b> <b>Military Education</b>			<b>8</b>	
<b>2</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN</b> <b>NGHIỆP</b>			<b>83</b>	
<b>2.1</b>	<b>Kiến thức liên ngành</b>			<b>43</b>	
<b>2.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>28</b>	
1	Kinh tế học Economics	MIEC1031	Tiếng Anh	3	36,18

2	Chuyển đổi số trong kinh doanh Digital transformation in business	PCOM1111	Tiếng Việt	2	24, 12
3	Thực tập nghề nghiệp Internship	KDQT1011	Tiếng Việt	2	0,60
4	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh Artificial Intelligence for Business	INFO3611	Tiếng Việt	3	36,18
5	Quản trị học Fundamentals of Management	BMGM0531	Tiếng Anh	3	36,18
6	Marketing căn bản Principles of Marketing	BMKT3231	Tiếng Anh	3	36,18
7	Nguyên lý quản trị nhân lực Principles of Human Resource Management	HRMG2531	Tiếng Anh	3	36,18
8	Nguyên lý kế toán Principles of Accounting	FACC0112	Tiếng Anh	3	36,18
9	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính Money, Banking and Financial Market	EFIN2812	Tiếng Anh	3	36,18
10	Khởi sự kinh doanh Entrepreneurship	EPIN0211	Tiếng Việt	3	36,18
<b>2.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>			<b>15</b>	
	<i>Chọn 15 TC trong các HP sau:</i>				
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học Scientific Research Methodology	SCRE0211	Tiếng Việt	3	36,18
2	Quản trị dịch vụ Service Management	TEMG2911	Tiếng Việt	3	36,18
3	Luật kinh tế 1 Economic law 1	PLAW0321	Tiếng Việt	3	36,18
4	Kinh doanh quốc tế International Business	ITOM1311	Tiếng Việt	3	36,18
5	Lý thuyết kinh tế số Theory of digital economy	DECO0111	Tiếng Việt	3	36,18
6	Kinh tế quốc tế 1 International economics 1	FECO1711	Tiếng Việt	3	36,18
7	Khoa học hàng hóa Science of merchandise	ITOM2611	Tiếng Việt	3	36,18
8	Hội nhập kinh tế quốc tế International economic integration	ITOM2011	Tiếng Việt	3	36,18
9	Kinh tế chia sẻ Sharing economy	FECO1911	Tiếng Việt	3	36,18
10	Quản trị logistics kinh doanh	BLOG1511	Tiếng Việt	3	36,18



	Business logistics management				
<b>2.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>			<b>15</b>	
<b>2.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>9</b>	
1	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế International Trade Operation Management	ITOM2531	Tiếng Anh	3	36,18
2	Đầu tư quốc tế International investment	FECO2631	Tiếng Anh	3	36,18
3	Thực hành nghề nghiệp kinh doanh quốc tế Professional Practice in International business	KDQT1461	Tiếng Việt	3	0,90
<b>2.2.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>				
	<i>Chọn 6 TC trong các HP sau:</i>			<b>6</b>	
1	Quản trị đa văn hóa Cross-culture management	ITOM2031	Tiếng Anh	3	36,18
2	Công ty đa quốc gia Multinational corporation	ITOM2311	Tiếng Việt	3	36,18
3	Quản trị tài chính 1 Financial Management 1	FMGM0215	Tiếng Anh	3	36,18
4	Logistics quốc tế International Logistics	BLOG3051	Tiếng Việt	3	36,18
<b>2.3</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>			<b>15</b>	
1	Quản trị vận chuyển hàng hóa quốc tế International Transportation Management	ITOM2411	Tiếng Việt	3	36,18
2	Nghiệp vụ hải quan Customs practice	ITOM1721	Tiếng Việt	3	36,18
3	Đàm phán thương mại quốc tế International trade negotiation	ITOM2231	Tiếng Anh	3	36,18
4	Quản lý chuỗi cung ứng Supply chain management	BLOG3331	Tiếng Anh	3	36,18
5	Thực hành nghề nghiệp thương mại quốc tế Professional Practice in International Trade	KDQT1561	Tiếng Việt	3	0,90
<b>2.4</b>	<b>Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học</b>			<b>10</b>	
1	Thực tập và viết Báo cáo dự án nhóm Intership project report	REPE2311	Tiếng Việt	3	0,90
2	Thực tập và viết Luận văn tốt nghiệp Graduation Thesis	LVVE2411	Tiếng Việt	7	0,210

*Ghi chú:*

- Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ bao gồm 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp (trong đó có 96 tín chỉ học phần bắt buộc (80%), 24 tín chỉ học phần tự

chọn (20%) và 11 tín chỉ giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng an ninh. Trong 83 tín chỉ kiến thức chuyên nghiệp có 36 tín chỉ (chiếm 43,4%) trong tổng số tín chỉ Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp.

## 7.2. Mô tả các học phần (xem phụ lục)

### 8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	KỲ HỌC	HỌC PHẦN	SỐ TC
1	Kỳ 1	Kiến thức giáo dục đại cương	9
		Kiến thức liên ngành	3
		GDTC	1
2	Kỳ 2	Kiến thức giáo dục đại cương	9
		Kiến thức liên ngành	6
		GDTC	1
	Kỳ hè năm thứ nhất	GDQP-AN	8
3	Kỳ 3	Kiến thức giáo dục đại cương	6
		Kiến thức liên ngành	9
		GDTC	1
4	Kỳ 4	Kiến thức giáo dục đại cương	7
		Kiến thức liên ngành	11
5	Kỳ 5	Kiến thức giáo dục đại cương (HP LLCT)	3
		Kiến thức liên ngành	7
		Kiến thức ngành	6
		Kiến thức chuyên ngành	3
6	Kỳ 6	Kiến thức giáo dục đại cương (HP LLCT)	3
		Kiến thức liên ngành	7
		Kiến thức ngành	3
		Kiến thức chuyên ngành	3
7	Kỳ 7	Kiến thức ngành	6
		Kiến thức chuyên ngành	9
8	Kỳ 8	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10
	<b>Tổng cộng</b>		<b>131</b>


Lưu ý:

- Căn cứ vào điều kiện thực tế, Nhà trường có thể điều chỉnh kế hoạch thực hiện CTĐT;
- Các Học phần thực hành/ thực tế có thể được tổ chức học tập vào kỳ hè năm thứ 2,

2, năm thứ 3;

- Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
  
**PGS, TS Nguyễn Hoàng**

**TRƯỞNG KHOA**  
  
**TS Nguyễn Duy Đạt**

**PHỤ LỤC**  
**MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**ĐỊNH HƯỚNG CHUYÊN SÂU NGHỀ NGHIỆP QUỐC TẾ CHUYÊN NGÀNH TMQT**

**Triết học Mác - Lê Nin**

**Phylosophy of Maxism – Leninism** MLNP0221 Tiếng Việt 3TC 36,18

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

**Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin**

**Political economics of Maxism –Leninism** RLCP1211 Tiếng Việt 2TC 24,12

Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

**Tư tưởng Hồ Chí Minh**

**Ho Chi Minh Ideology** HCM10111 Tiếng Việt 2TC 24,12

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

**Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

**History of Vietnamese Communist Party** HCM10131 Tiếng Việt 2TC 21,18

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

**Chủ nghĩa xã hội khoa học**  
**Scientific socialism**

HCM10121 Tiếng Việt 2TC 24,12

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

### **Pháp luật đại cương**

#### **Introduction to Laws**

**TLAW0111 Tiếng Việt 2TC 24,12**

Là học phần thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo từ chương trình đào tạo của chuyên ngành Luật kinh tế và Luật Thương mại quốc tế. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm: Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công

### **Tiếng Anh tăng cường 1.1**

#### **Intensive English 1.1**

**ENPR7011 Tiếng Anh 4TC 48,24**

Học phần *Tiếng Anh Tăng cường 1.1* sử dụng giáo trình *Life (Upper Intermediate)* (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2<sup>nd</sup> edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm các mối quan hệ, kể chuyện, khoa học và công nghệ, nghệ thuật và sáng tạo, phát triển, du lịch. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

### **Tiếng Anh tăng cường 1.2**

#### **Intensive English 1.2**

**ENPR7111 Tiếng Anh 4TC 48,24**

Học phần *Tiếng Anh Tăng cường 1.2* sử dụng giáo trình *Life (Upper Intermediate)* (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2<sup>nd</sup> edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm tập quán và hành vi, sự hy vọng và tham vọng, tin tức, người tài năng, kiến thức và học tập, tiền bạc. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

### **Tiếng Anh nâng cao 1.1**

#### **Advanced English 1.1**

**ENTI3111 Tiếng Anh 5TC 60,30**

Học phần Tiếng Anh nâng cao 1.1 sử dụng giáo trình *Life (Advanced)* (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2<sup>nd</sup> edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: bài

học trong cuộc sống, công việc, thiết kế cho cuộc sống, đổi mới và cơ thể. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

### **Tiếng Anh nâng cao 1.2**

#### **Advanced English 1.2**

**ENTI3211 Tiếng Anh 5TC 60,30**

Học phần Tiếng Anh nâng cao 1.2 sử dụng giáo trình Life (Advanced) (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ đề: phương tiện truyền thông kỹ thuật số, âm nhạc, đời sống xã hội, cảm xúc và mẹ thiên nhiên. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

### **Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản**

#### **Information Technology Foundation**

**INFO3511 Tiếng Việt 3TC 36,18**

Là học phần thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên tất cả các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của việc ứng dụng CNTT trong việc nghiên cứu và học tập của sinh viên. Ngoài ra đây là học phần để đáp ứng cho công việc sau này, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường Đại học Thương Mại. Học phần bao gồm các khối kiến thức cơ bản về CNTT, hệ soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, tổ chức và xử lý dữ liệu, và các vấn đề đương đại về CNTT trong môi trường số.

### **Kinh tế lượng**

#### **Econometrics**

**AMAT0411 Tiếng Việt 3TC 36,18**

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

### **Giao tiếp trong kinh doanh**

#### **Communication in business**

**Tiếng Việt 3TC 0,90**

Người học sẽ được trang bị những kỹ thuật và phương pháp giao tiếp bằng: lời nói, văn bản, điện thoại, email, ngôn ngữ không lời, giao tiếp hệ thống truyền thông, mô hình truyền thông có hiệu quả trong kinh doanh. Đồng thời giúp người học có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy sáng tạo để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình giao tiếp kinh doanh; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong giao tiếp kinh doanh.

Mang lại cho người học sự tự tin khi đối diện với những tình huống giao tiếp trong kinh doanh, kể cả các tình huống khó khăn và xử lý tốt các tình huống đó.

### **Kinh tế học**

#### **Economics**

**MIEC1031 Tiếng Anh 3TC 36,18**

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế: (i) Đối với kinh tế vi mô, môn học tập trung nghiên cứu về cung cầu hàng hóa, dịch vụ, cơ chế thị trường, lý thuyết về hành vi kinh doanh, cấu trúc các thị trường khác nhau trong nền kinh tế; (ii) Đối với kinh tế vĩ mô, môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô, bao gồm tổng quan về mục tiêu

và công cụ của kinh tế vĩ mô với mô hình AD - AS, đo lường các chỉ số kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả, lạm phát, thất nghiệp, v.v. và phân tích tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ, tiền tệ và tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm (chính sách tài chính và tiền tệ) đến giá cả, sản lượng và việc làm trong nền kinh tế.

### **Chuyển đổi số trong kinh doanh**

#### **Digital transformation in business**

**PCOM1111 Tiếng Việt 2TC 24, 12**

Là học phần thuộc bộ phận kiến thức cơ sở ngành thuộc khối ngành kinh tế và quản lý. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

### **Thực tập nghề nghiệp**

#### **Internship**

**KDQT1011 Tiếng Việt 2TC 0,60**

Học phần Thực tập nghề nghiệp bao gồm các vấn đề: Tìm hiểu cơ cấu, tổ chức hoạt động của doanh nghiệp/ tổ chức; tìm hiểu các nguồn lực, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức; phân tích các hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và các hoạt động kinh tế quốc tế, kinh doanh quốc tế nói riêng của doanh nghiệp/tổ chức; phát hiện các vấn đề đặt ra tại doanh nghiệp/tổ chức.

### **Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh**

#### **AI for business**

**INFO3611 Tiếng Việt 3TC 36,18**

Là học phần thuộc khối kiến thức cơ bản của sinh viên đại học. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của TTNT và ứng dụng của nó trong kinh doanh. Cụ thể là: các khái niệm cơ bản về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, cách thức tổ chức và quản lý dữ liệu lớn, các công nghệ sử dụng và một số công cụ trong trí tuệ nhân tạo, và các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực kinh doanh khác nhau.

### **Quản trị học**

#### **Fundamentals of Management**

**BMGM0531 Tiếng Anh 3TC 36,18**

Khóa học bao gồm các nội dung cơ bản sau: Định nghĩa và chức năng của quản lý, định nghĩa về người quản lý, vai trò quản lý, trình độ và kỹ năng quản lý, môi trường tổ chức, trách nhiệm xã hội và đạo đức; định nghĩa và các loại quyết định quản lý, quy trình ra quyết định quản lý, các phương pháp ra quyết định quản lý; và kiến thức chuyên sâu về các chức năng quản lý, bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát.

### **Marketing căn bản**

#### **Principles of Marketing**

**BMKT3231 Tiếng Anh 3TC 36,18**

Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing –mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và xúc tiến phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

**Nguyên lý quản trị nhân lực****Principles of Human Resource Management HRMG2531 Tiếng Anh 3TC 36,18**

Học phần này bao gồm một số nội dung chính như: khái niệm và vai trò của quản lý nguồn nhân lực; nội dung thiết yếu của quản lý nguồn nhân lực (phân tích công việc, tuyển dụng và lựa chọn, đào tạo và phát triển nhân viên, quản lý hiệu suất, quản lý lương thưởng), xu hướng quản lý nguồn nhân lực.

**Nguyên lý kế toán****Principles of Accounting****FACC0112 Tiếng Anh 3TC 36,18**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kế toán bao gồm: định nghĩa về kế toán và các loại kế toán, các giả định và nguyên tắc kế toán, đặc tính chất lượng của thông tin tài chính, phương trình kế toán, chứng từ và tài khoản gốc, sổ cái danh nghĩa, giới thiệu phần mềm kế toán và các phần mềm kế toán. kế toán đám mây; sổ dư dùng thử và báo cáo tài chính.

**Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính****Money, Banking and Financial Market****EFIN2812 Tiếng Anh 3TC 36,18**

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản một cách có hệ thống về hệ thống tài chính tiền tệ, bao gồm cả hoạt động trong nước và hoạt động toàn cầu của hệ thống. Các khái niệm về tiền tệ, lạm phát và thị trường tài chính được thảo luận nhằm nâng cao nhận thức của người học về vấn đề tài chính cơ bản. Sau đó, chính sách tiền tệ và hoạt động của nó ở Việt Nam được giới thiệu và phân tích. Phần còn lại của khóa học là những kiến thức cơ bản về hệ thống ngân hàng.

**Khởi sự kinh doanh****Entrepreneurship****CEMG4411 Tiếng Việt 3TC 36,18**

Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới. Ngoài ra học phần còn giới thiệu các kiến thức chung về khởi sự kinh doanh sáng tạo và khởi sự kinh doanh xã hội.

**Phương pháp nghiên cứu khoa học****Scientific Research Methodology****SCRE0211 Tiếng Việt 3TC 36,18**

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

**Quản trị dịch vụ****Service Management****TEMG2911 Tiếng Việt 3TC 36,18**

Học phần Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo định hướng nghề nghiệp; đồng thời là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình



cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

### **Luật kinh tế 1**

#### **Economic law 1**

**PLAW0321 Tiếng Việt 3TC 36,18**

Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.

### **Kinh doanh quốc tế**

#### **International Business**

**ITOM1311 Tiếng Việt 3TC 36,18**

Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

### **Lý thuyết kinh tế số**

#### **Theory of digital economy**

**DECO0111 Tiếng Việt 3TC 36,18**

Học phần có các nội dung về kinh tế số; số hóa nền kinh tế; sự phát triển công nghệ thông tin và truyền thông; hệ sinh thái nền kinh tế số; một số nguyên tắc cơ bản của kinh tế số như hàng hóa và dịch vụ số, các mô hình giá trị; một số vấn đề chiến lược của kinh tế số; các đặc điểm chính của thị trường số; kinh tế số nâng cao.

### **Kinh tế quốc tế 1**

#### **International economics 1**

**FECO1711 Tiếng Việt 3TC 36,18**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các lý thuyết thương mại quốc tế, giải thích lý do xuất hiện dòng di chuyển hàng hóa giữa các quốc gia. Học phần cũng giới thiệu các mô hình thương mại quốc tế, sự hình thành và thay đổi giá cả trên thị trường quốc tế, khả năng chấp nhận thương mại của các quốc gia. Bên cạnh đó, học phần xem xét ảnh hưởng của tăng trưởng đối với thương mại quốc tế trong điều kiện nền kinh tế mở.

### **Khoa học hàng hóa**

#### **Science of merchandise**

**ITOM2611 Tiếng Việt 3TC 36,18**

Học phần đề cập những vấn đề chung đối với hàng hoá, bao gồm: phân loại hàng hóa, mã số mã vạch, ghi nhãn hàng hoá, cơ cấu mặt hàng và cơ sở hình thành cơ cấu mặt hàng hợp lý, các yêu cầu đối với chất lượng hàng hoá, các chỉ tiêu chất lượng, các phương pháp kiểm tra và đánh giá chất lượng hàng hóa, các yếu tố ảnh hưởng và làm biến động chất lượng hàng hoá, các biện pháp chăm sóc bảo quản. Bên cạnh đó, học phần cũng đề cập đến nội dung tiêu chuẩn hoá, quy chuẩn kỹ thuật cũng như tác động của nó đến sản xuất và kinh doanh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, hàng giả hàng nhái và cách phòng tránh hàng giả hàng nhái.

**Hội nhập kinh tế quốc tế****International economic integration****Tiếng****ITOM2011****Việt****3TC****36,18**

Học phần Hội nhập kinh tế quốc tế giới thiệu về bản chất, mục tiêu và nội dung của hội nhập kinh tế quốc tế, các giai đoạn phát triển của hội nhập kinh tế quốc tế, các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế, những nhân tố thúc đẩy và tác động của hội nhập kinh tế quốc tế. Từ nội dung khái quát đó, học phần phân tích sâu hơn về các hình thức hội nhập, bao gồm hội nhập kinh tế toàn cầu và hội nhập kinh tế khu vực, chỉ ra đặc trưng của mỗi hình thức cùng với những thông tin thực tế, cụ thể về hội nhập trong khuôn khổ WTO, hội nhập trong khu vực ASEAN, APEC, EU,... và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, những cơ hội, thách thức đối với Việt Nam khi tham gia tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

**Kinh tế chia sẻ****Sharing economy****FECO1911 Tiếng Việt 3TC 36,18**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế chia sẻ, bao gồm: khái niệm, đặc trưng, phân loại, vai trò, tác động, xu hướng phát triển của kinh tế chia sẻ. Trên cơ sở đó phân tích sự vận hành của kinh tế chia sẻ, và từ đó tìm hiểu về cách thức quản trị hiệu quả nền tảng kinh tế chia sẻ.

**Quản trị logistics kinh doanh****Business logistics management****BLOG1511 Tiếng Việt 3TC 36,18**

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động logistics như một hợp phần quan trọng của hệ thống kinh doanh tại doanh nghiệp trong xu hướng toàn cầu hóa. Bằng phương pháp tiếp cận quản trị theo quá trình, từ lập kế hoạch tới tổ chức, kiểm tra đánh giá các nỗ lực logistics, học phần cung cấp một cách khái quát các bước trong tiến trình ứng dụng logistics tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các hoạt động logistics cơ bản như dịch vụ khách hàng, dự trữ, vận chuyển, mua hàng, đóng gói, bảo quản, logistics ngược... được kết nối thành một chuỗi liên kết nhằm nhấn mạnh vào tương quan phối hợp, hỗ trợ và bản chất tích hợp của các hoạt động này và hướng tới mục tiêu tối ưu hóa các dòng cung ứng nguyên liệu, sản phẩm tại doanh nghiệp. Với cấu trúc thiết kế này, học phần mong muốn cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức đồng bộ và khả năng tư duy kết nối linh hoạt các hoạt động logistics trong một hệ thống và hướng tới sự phát triển mạnh mẽ của lý thuyết quản trị logistics trong kinh doanh hiện đại.

**Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế****International Trade Operation Management****ITOM2531 Tiếng Anh 3TC 36,18**

Môn học chứa đựng những kiến thức cơ bản về quản lý hợp tác thương mại quốc tế, bao gồm: phương thức giao dịch, điều kiện thương mại; kỹ năng cũng như phương pháp quản lý việc hoạch định, đàm phán, ký kết và thực hiện các hợp đồng thương mại quốc tế. Ngoài ra, đề tài còn đề cập đến những kiến thức liên quan đến rủi ro và quản lý rủi ro trong hoạt động xuất nhập khẩu.

**Đầu tư quốc tế****International investment****FECO2631 Tiếng Anh 3TC 36,18**

Học phần nghiên cứu những hình thức cơ bản về Đầu tư quốc tế. Nghiên cứu cụ thể sự hình thành và phát triển của hoạt động Đầu tư quốc tế, tại sao các nhà đầu tư tiến hành các hoạt động đầu tư quốc tế, bản chất, đặc điểm và các hình thức của ĐTQT, vai trò của từng loại hình đầu tư quốc tế với nước nhận đầu tư, nước đầu tư và nhà đầu tư; bên cạnh đó cũng xem xét đến các vấn đề còn nhiều tranh luận liên quan đến đầu tư quốc tế; học phần đồng thời nghiên cứu hoạt động xúc tiến đầu tư nước ngoài với hình thức và nội dung cơ bản có liên quan..

**Thực tập nghề nghiệp về kinh doanh quốc tế****Professional Practice in International business****KDQT1461 Tiếng Việt 3TC 0,90**

Học phần Thực tập nghề nghiệp về kinh doanh quốc tế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của CTĐT Thương mại quốc tế định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế, thuộc khoa Kinh tế & Kinh doanh quốc tế. Học phần bao gồm những nội dung cụ thể, thực tế liên quan hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp, tác động của hội nhập kinh tế quốc tế và những biến động từ môi trường kinh doanh quốc tế đến hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp, những biện pháp được doanh nghiệp thực hiện để thích ứng với biến động của môi trường kinh doanh quốc tế và những nội dung về hoạt động đổi mới sáng tạo, quản lý đổi mới sáng tạo trong kinh doanh quốc tế tại doanh nghiệp.

### **Quản trị đa văn hóa**

#### **Cross-culture management**

**ITOM2031 Tiếng Anh 3TC 36,18**

Học phần này đề cập đến kiến thức cần thiết về các khía cạnh văn hóa và quản lý đa văn hóa trong kinh doanh quốc tế. Kiến thức về mối quan hệ giữa văn hóa quốc gia và văn hóa doanh nghiệp cũng như phong cách lãnh đạo đa văn hóa, đặc biệt trong trường hợp các tập đoàn đa quốc gia và tác động của văn hóa đối với giao tiếp và đàm phán thương mại quốc tế.

### **Công ty đa quốc gia**

#### **Multinational corporation**

**ITOM2311 Tiếng Việt 3TC 36,18**

Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về công ty đa quốc gia và tác động của loại hình doanh nghiệp này đến thị trường toàn cầu. Cụ thể, học phần làm rõ các nội dung liên quan đến công ty đa quốc gia, bao gồm: lịch sử ra đời và đặc điểm của loại hình doanh nghiệp này; động lực hình thành; quá trình mở rộng kinh doanh quốc tế hoá; cách thức tổ chức các hoạt động trong mối liên hệ giữa bên trong và bên ngoài doanh nghiệp; tác động từ dòng vốn đầu tư trực tiếp, năng lực công nghệ, việc làm, và hoạt động chuyển giá của các công ty đa quốc gia đến thị trường trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, học phần cũng đề cập đến sự nổi lên trong những năm của các công ty đa quốc gia đến từ các nước đang phát triển và vai trò của Chính phủ các nước đến sự phát triển của các doanh nghiệp này.

### **Quản trị tài chính 1**

#### **Financial Management 1**

**FMGM0215 Tiếng Anh 3TC 36,18**

Nội dung của học phần Quản trị tài chính 1 bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính; Giá trị thời gian của tiền; Phân tích báo cáo tài chính; Quản trị vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ; Chi phí sử dụng vốn

### **Logistics quốc tế**

#### **International Logistics**

**BLOG3051 Tiếng Việt 3TC 36,18**

Học phần logistics quốc tế thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp các kiến thức cơ bản về logistics trong môi trường kinh doanh quốc tế. Học phần mô tả cấu trúc mạng lưới logistics quốc tế và việc sử dụng các hoạt động thuê ngoài logistics trong bối cảnh thương mại toàn cầu. Hỗ trợ cho các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế tham gia vào chuỗi cung ứng quốc tế có thể thích nghi các hoạt động tầm chiến lược và tác nghiệp của mình trước những biến đổi liên tục của môi trường kinh doanh quốc tế.

### **Quản trị vận chuyển hàng hóa quốc tế**

#### **International Transportation Management**

**ITOM2411 Tiếng Việt 3TC 36,18**

Học phần Quản trị vận chuyển hàng hóa quốc tế giới thiệu về hoạt động vận chuyển hàng hóa quốc tế, các phương thức giao nhận vận chuyển và các chứng từ vận chuyển thường gặp. Học phần cung cấp kiến thức về quản trị giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, giám sát và điều hành quy trình giao nhận vận chuyển

hàng hóa quốc tế.

**Nghiệp vụ hải quan**  
**Customs practice**

**ITOM1721 Tiếng Việt 3TC 36,18**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, khái quát về hải quan, trị giá hải quan, thủ tục hải quan cũng như hoạt động kiểm tra, giám sát hải quan và quản lý rủi ro trong hoạt động hải quan. Đặc biệt, học phần cũng cung cấp cho người học những hiểu biết, kỹ năng cần thiết để thực hiện khai hải quan và làm thủ tục hải quan đối với các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu. Học phần cũng đề cập đến cơ sở luận và thực tiễn về hoạt động quản lý rủi ro trong lĩnh vực hải quan để đảm bảo hạn chế được các gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan.

**Đàm phán thương mại quốc tế**  
**International trade negotiation**

**ITOM2231 Tiếng Anh 3TC 36,18**

Học phần giới thiệu bản chất của đàm phán thương mại quốc tế, văn hóa đàm phán của một số quốc gia, chiến lược, kỹ thuật và quy trình đàm phán thương mại quốc tế, bao gồm đàm phán hợp đồng thương mại quốc tế và đàm phán hiệp định thương mại quốc tế. Học phần cũng giới thiệu một số trường hợp đàm phán thương mại quốc tế.

**Quản lý chuỗi cung ứng**  
**Supply chain management**

**BLOG3331 Tiếng Anh 3TC 36,18**

Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc quyết định nào, những người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.

**Thực tập nghề nghiệp TMQT**

**Professional Practice in International trade KDQT1561 Tiếng Việt 3TC 0,90**

Học phần Thực tập nghề nghiệp TMQT là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của CTĐT định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế Thương mại quốc tế, thuộc khoa Kinh tế & Kinh doanh quốc tế. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề: phân tích các hoạt động kinh doanh quốc tế, thương mại quốc tế, nghiệp vụ hải quan, đàm phán thương mại quốc tế, quản lý chuỗi cung ứng, công ty đa quốc gia.

**Thực tập và viết Báo cáo dự án nhóm**  
**Intership project report**

**Tiếng Việt 3TC 0,90**

**Thực tập và viết Luận văn tốt nghiệp**  
**Graduation Thesis**

**Tiếng Việt 7TC 0,210**